

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2019

I. Tình hình bao toàn và phát triển vốn tại ITAXA:

1. Vốn chủ sở hữu:

Trong đó: - Vốn góp của chủ sở hữu : 255.000.000.000 đồng
- Quỹ đầu tư phát triển : 14.311.189.978 đồng
- Nguồn vốn xây dựng cơ bản : 0 đồng

2. Tổng tài sản: 335.181.318.980 đồng.

3. Lợi nhuận sau thuế: 21.970.531.153 đồng.

4. Hiệu suất sử dụng vốn:

$$\text{- Tỷ suất LN thực hiện} = 100\% \times \frac{\text{LN thực hiện}}{\text{Vốn CSH bình quân}} = 100\% \times \frac{27.038.659.182}{264.367.820.469} = 10,23\%$$

Chỉ tiêu này đánh giá là 1 đồng vốn đầu tư tạo ra được 0,1023 đồng lợi nhuận trước thuế.

$$\text{- Tỷ suất LN sau thuế} = 100\% \times \frac{\text{LN sau thuế}}{\text{Vốn CSH bình quân}} = 100\% \times \frac{21.970.531.153}{264.367.820.469} = 8,31\%$$

Chỉ tiêu này đánh giá là 1 đồng vốn đầu tư tạo ra được 0,0831 đồng lợi nhuận sau thuế.

$$\text{- Tỷ suất LN sau thuế trên tổng tài sản} = 100\% \times \frac{\text{LN sau thuế}}{\text{Tổng TS bình quân}} = 100\% \times \frac{21.970.531.153}{316.593.885.041} = 6,94\%$$

Chỉ tiêu này đánh giá là 1 đồng tài sản tạo ra được 0,0694 đồng lợi nhuận sau thuế.

Trong đó, chỉ tiêu vốn chủ sở hữu bình quân và tổng tài sản bình quân được xác định như sau:

$$\text{Vốn chủ sở hữu bình quân} = \frac{262.720.030.632+262.720.030.632+262.720.030.632+269.311.189.978}{4} = 264.367.820.469 đồng$$

$$\text{Tổng tài sản bình quân} = \frac{306.950.808.406+302.940.902.521+321.302.510.255+335.181.318.980}{4} = 316.593.885.041 đồng$$

II. Việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước tại ITAXA:

1. Tình hình đầu tư Dự án (kèm theo Biểu 02.A): Trong năm, ITAXA đã lập các dự án đầu tư máy móc trang thiết bị nhằm nâng cao năng lực sản xuất sau in của Nhà in TTXVN giai đoạn 2019, bao gồm:

- Cung cấp và lắp đặt 01 hệ thống máy liên hợp bắt - đóng - xén sách băng keo nhiệt với tổng vốn đầu tư dự kiến ban đầu là: 16.636.000.000 đồng.

- Cung cấp và lắp đặt 01 hệ thống máy liên hợp bắt liên - đóng kim với tổng vốn đầu tư dự kiến ban đầu là: 7.362.463.000 đồng
- Cung cấp và lắp đặt 1 hệ thống máy gấp giấy 4 vạch thẳng góc 32 trang với tổng vốn đầu tư dự kiến ban đầu là: 2.831.500.000 đồng

Tính đến ngày 31/12/2019 đã giải ngân số tiền là: 20.721.475.771 đồng.

2. Tình hình đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp (kèm theo Biểu 02.B):
 - Việc đầu tư vào Công ty con của ITAXA là Công ty Cổ phần Địa Sinh phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Tình hình huy động vốn và sử dụng vốn huy động: không
4. Tình hình quản lý tài sản, nợ phải thu, nợ phải trả:
 - + Tình hình quản lý tài sản:
 - * Thẩm quyền quyết định các dự án đầu tư, mua sắm tài sản trong kỳ phù hợp với quy định của pháp luật và điều lệ công ty.
 - * Việc trích khấu hao tài sản; thanh lý, nhượng bán tài sản trong kỳ thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.
 - * Xử lý hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất hoặc mất phẩm chất thực hiện theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 78/2014.
 - * ITAXA đã ban hành quy chế về quản lý nợ ngày 28/3/2014 theo quy định tại Nghị định số 206/2013/NĐ-CP ngày 09/12/2013 của Chính phủ về quản lý nợ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tình hình thực hiện quản lý nợ theo quy chế.
 - + Tình hình nợ phải thu đến kỳ báo cáo:

Tổng số nợ phải thu đến ngày 31/12/2019 là: 24.874.881.400 đồng.
Trong đó:

 - * Nợ phải thu khó đòi: 5.784.338.194 đồng.
 - * Đã trích lập dự phòng: 4.111.676.091 đồng.
 - * Xử lý nợ khó đòi trong kỳ báo cáo: 288.082.750 đồng
 - + Tình hình nợ phải trả đến kỳ báo cáo:

* Tổng số nợ phải trả đến ngày 31/12/2019 là: 65.870.129.002 đồng.
Trong đó: Nợ phải trả quá hạn là: 0 đồng

 - * Tỷ số khả năng thanh toán nợ:

$$\text{Khả năng thanh toán hiện thời} = \frac{\text{Tài sản ngắn hạn}}{\text{Nợ ngắn hạn}} = \frac{84.699.039.310}{47.279.012.674} = 1,79$$

$$\begin{array}{rcl}
 \text{Khả năng} & & \text{Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho} \\
 \text{thanh toán nhanh} & = & \\
 & & \text{Nợ ngắn hạn} \\
 \\
 & = & \frac{84.699.039.310 - 12.789.263.727}{47.279.012.674} = 1,52
 \end{array}$$

* Tỷ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu:

$$\text{Tỷ số nợ phải trả} = 100\% \times \frac{\text{Tổng nợ phải trả}}{\text{Vốn chủ sở hữu}} = 100\% \times \frac{65.870.129.002}{269.311.189.978} = 24,46\%$$

III. Tình hình sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của ITAXA (kèm theo Biểu 02.C):

1. Sản lượng sản xuất và tiêu thụ trang in offset (13x19)cm: năm 2019 là 23.647 triệu trang in đạt 100,63% kế hoạch, tăng 1,87% so với năm 2017 tương đương 435 triệu trang in và tăng 1,74% so với năm 2018 tương đương 404 triệu trang in.
2. Chỉ tiêu tài chính:
 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2019 là 196.371 triệu đồng đạt 111,83% kế hoạch, tăng 23,17% so với năm 2017 tương đương 36.946 triệu đồng, tăng 17,79% so với năm 2018 tương đương 29.661 triệu đồng.
 - Giá vốn hàng bán năm 2019 là 133.088 triệu đồng, tăng 23,70% so với năm 2017 tương đương 25.503 triệu đồng, tăng 15% so với năm 2018 tương đương 17.359 triệu đồng.
 - Doanh thu hoạt động tài chính năm 2019 là 10.931 triệu đồng đạt 109,31% kế hoạch, giảm 14,39% so với năm 2017 tương đương 1.838 triệu đồng, giảm 31,89% so với năm 2018 tương đương 5.118 triệu đồng.
 - Chi phí bán hàng năm 2019 là 283 triệu đồng, giảm 62,81% so với năm 2017 tương đương 478 triệu đồng, giảm 61,18% so với năm 2018 tương đương 446 triệu đồng.
 - Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2019 là 56.799 triệu đồng, tăng 22,67% so với năm 2017 tương đương 10.498 triệu đồng, tăng 8,68% so với năm 2018 tương đương 4.534 triệu đồng.
 - Thu nhập khác năm 2019 là 14.083 triệu đồng đạt 149,82% kế hoạch, tăng 88,63% so với năm 2017 tương đương 6.617 triệu đồng, giảm 15,52% so với năm 2018 tương đương 2.588 triệu đồng.
 - Chi phí khác năm 2019 là 4.176 triệu đồng, tăng 41,46% so với năm 2017 tương đương 1.224 triệu đồng, giảm 25,56% so với năm 2018 tương đương 1.434 triệu đồng.
 - Lợi nhuận trước thuế năm 2019 là 27.039 triệu đồng, đạt 107,30% kế hoạch, tăng 17,06% so với năm 2017 tương đương 3.941 triệu đồng, tăng 7,86% so với năm 2018 tương đương 1.970 triệu đồng.
 - Lợi nhuận sau thuế năm 2019 là 21.971 triệu đồng, đạt 110,96% kế hoạch, tăng 18,03% so với năm 2017 tương đương 3.356 triệu đồng, tăng 11,21% so với năm 2018 tương đương 2.215 triệu đồng.

3. Hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp thông qua các chỉ tiêu: tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE), tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA).

- Tỷ suất lợi nhuận thực hiện trên vốn chủ sở hữu là: 10,23%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) là: 8,31%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA) là: 6,94%

4. Phân tích lưu chuyển tiền tệ trong năm 2019:

- Lượng tiền mặt doanh nghiệp tạo ra đáp ứng đủ nhu cầu cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư và tài chính của doanh nghiệp.
- Lượng tiền mặt doanh nghiệp tạo ra đáp ứng được việc thanh toán đủ và kịp thời các khoản nợ đến hạn.

IV. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ, tình hình biến động của Quỹ Hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại tập đoàn kinh tế, tổng công ty (kèm theo Biểu 02.D):

1. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước:
2. Tình hình phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ.

V. Tình hình chấp hành chế độ, chính sách và pháp luật: ITAXA tuân thủ và chấp hành các quy định pháp luật nhà nước bao gồm các lĩnh vực về đầu tư, quản lý và sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp, thuế, thu nộp ngân sách, chế độ báo cáo tài chính, báo cáo giám sát tài chính và báo cáo khác, việc thực hiện kết quả thanh tra, kiểm tra theo các nội dung quy định.

VI. Giải trình của doanh nghiệp đối với các ý kiến đánh giá của doanh nghiệp kiểm toán độc lập, ý kiến của Kiểm soát viên, của cơ quan đại diện chủ sở hữu và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về báo cáo tài chính của doanh nghiệp: Không

VII. Tình hình thực hiện việc cơ cấu lại vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp, cơ cấu lại vốn của doanh nghiệp đầu tư tại công ty con, công ty liên kết:

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN *NC*

CHỦ TỊCH



Huu
NGUYỄN CHÂU PHÚC

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ HUY ĐỘNG VỐN ĐỂ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DỰ ÁN HÌNH THÀNH TSCĐ VÀ XDCB

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

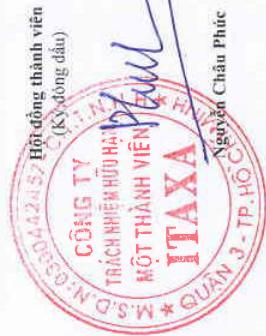
TT	Tên dự án	Quyết định phê duyệt	Tổng mức vốn đầu tư (triệu đồng)			Thời gian đầu tư theo kế hoạch	Thực hiện đến hết ngày 31/12/2019	Giá trị TS đã hình thành và đưa vào sử dụng		
			Tổng Vốn chủ sở hữu	%	Vốn huy động					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
A Các nhóm dự án A										
1										
B Các nhóm dự án B										
1										
C Các nhóm dự án khác										
1	Cung cấp và lắp đặt 01 hệ thống máy liên hợp bát - đóng -xén sách bằng keo nhiệt	QĐ:08/QĐ-HĐTV ngày 27/03/2019	16.636	16.636			10 tháng			14.503
2	Cung cấp và lắp đặt 01 hệ thống máy liên hợp bát liên - đóng kim	QĐ:09/QĐ-HĐTV ngày 10/05/2019	7.362,46	7.362,46			08 tháng			14.503
3	Cung cấp và lắp đặt 1 hệ thống máy gấp giấy 4 vạch thẳng góc 32 trang	QĐ:10/QĐ-HĐTV ngày 16/05/2019	2.831,50	2.831,50			12 tháng			14.574

KT.Giám đốc Hội đồng thành viên	Người lập biểu (Ký)	Trần Ngọc Thành
Kế toán trưởng (Ký)	Mèo	Dặng Thị Ngọc Hiếu
Phó Giám đốc (Ký đóng dấu)	Nhật	Nguyễn Anh Kiết
CÔNG TY TNHH TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN ITAXA	QUẬN 3 - TP.HCM	Nguyễn Châ Phúc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON, CÔNG TY LIỀN KẾT VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

STT	Tên công ty con, công ty liên kết	Vốn góp của doanh nghiệp, giá trị đầu tư						Vốn chủ sở hữu của công ty con, công ty liên kết	Vốn Điều lệ	Tỷ lệ vốn góp (%)	Vốn	Đơn vị: triệu đồng	
		Kế hoạch	Năm 2018	Tài thời điểm 31/12/2019	Kế hoạch	Năm 2018	Tài thời điểm 31/12/2019						
(1)	(2)	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	Đầu tư vào công ty con												
	- Công ty CP Địa Sinh		22.785	22.785		72.09%	72.09%	27.400	31.605	53.248	51.480	1.559	757
II	Đầu tư vào công ty liên kết												
III	Đầu tư tài chính khác												



Kế toán trưởng
(Ký)

Trần Ngọc Thành

Nguyễn Châu Phúc



Đặng Thị Ngọc Hiếu

Nguyễn Anh Kiệt

TỈNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH VÀ TỈNH HÌNH TÀI CHÍNH NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Nội dung	Năm 2017	Năm 2018	Thực hiện năm 2019		Biến động so với (tỷ lệ %)	ĐVT: triệu đồng, trang	
			Kế hoạch năm	Thực hiện			
	1	2	3	4	5=4/1	6=4/2	7=4/3
A.Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh							
1.Sản lượng sản xuất (trang in offset 13x19cm)	23.212	23.243	23.500	23.647	101,87%	101,74%	100,63%
2.Sản lượng tiêu thụ (trang in offset 13x19cm)	23.212	23.243	23.500	23.647	101,87%	101,74%	100,63%
3.Tồn kho cuối kỳ							
B.Chỉ tiêu tài chính							
1.DT thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	159.425	166.710	175.600	196.371	123,17%	117,79%	111,83%
2.Giá vốn bán hàng	107.585	115.729		133.088	123,70%	115,00%	
3.LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	51.840	50.981		63.283	122,07%	124,13%	
4.Doanh thu hoạt động tài chính	12.769	16.049	10.000	10.931	85,61%	68,11%	109,31%
5.Chi phí tài chính	-1.037	28		0			
6.Chi phí bán hàng	761	729		283	37,19%	38,82%	
7.Chi phí quản lý doanh nghiệp	46.301	52.265		56.799	122,67%	108,68%	
8.Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	18.584	14.008		17.132	92,19%	122,30%	
9.Thu nhập khác	7.466	16.671	9.400	14.083	188,63%	84,48%	149,82%
10.Chi phí khác	2.952	5.610		4.176	141,46%	74,44%	
11.Lợi nhuận khác	4.514	11.061		9.907	219,47%	89,57%	
12.Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23.098	25.069	25.200	27.039	117,06%	107,86%	107,30%
13.Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.485	5.326		5.068	113,00%	95,16%	
14.Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-2	-13		0			
15.Lợi nhuận sau thuế TNDN	18.615	19.756	19.800	21.971	118,03%	111,21%	110,96%



Kế toán trưởng
(Ký)

Người lập biểu
(Ký)



Trần Ngọc Thành

Đặng Thị Ngọc Hiếu

Nguyễn Anh Kiệt

A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số còn phải nộp năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số còn phải nộp chuyển sang kỳ sau
1. Thuế				
- Thuế GTGT	-	5.173.509.101	5.173.509.101	-
- Thuế TNDN	728.111.533	5.068.128.029	4.276.019.984	1.520.219.578
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	37.060.813	37.060.813	-
- Thuế đất	-	-	-	-
- Các khoản thuế khác	1.336.665.895	7.673.422.039	7.402.037.938	1.608.049.996
2. Các khoản phải nộp khác				
- Phí, lệ phí	-	-	-	-
- Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
3. Nộp Ngân sách nhà nước (Quỹ Hỗ trợ và phát triển DN) phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp theo quy định	1.783.213.600	2.490.348.169	2.014.370.292	2.259.191.477

B. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ NĂM 2019

(Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Dư đầu năm	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Dư cuối kỳ
1. Quỹ đầu tư phát triển	7.720.030.632	6.591.159.346		14.311.189.978
2. Quỹ khen thưởng phúc lợi	12.564.574.575	12.586.120.000	17.160.352.000	7.990.342.575
3. Quỹ thưởng VCQLDN	443.940.381	314.023.638	332.522.000	425.442.019
4. Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN	-	-	-	-
5. Quỹ đặc thù khác (nếu có)	-	-	-	-

Ghi chú:

* Mục 2. Quỹ khen thưởng phúc lợi tăng trong kỳ là: 12.586.120.000đ, trong đó số tiền: 12.575.000.000đ được trích lập từ lợi nhuận sau thuế và số tiền: 11.120.000đ là tiền thưởng nhận cờ thi đua ngành.



Nguyễn Châu Phúc

Người lập biểu
(Ký)

Trần Ngọc Thành

Kế toán trưởng
(Ký)

Đặng Thị Ngọc Hiếu

KT.Giám đốc

Phó Giám đốc

(Ký, đóng dấu)



Nguyễn Anh Kiệt